

Bản án số: 30/2024/DS-PT
Ngày: 12-01- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoàn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1028/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty cổ phần D1.

Địa chỉ: 2 N, phường T, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Minh Cát N** – Giám đốc (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: anh **Nguyễn Ngọc T1** (Có mặt); chị **Văn Thị Yến N1** (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Tổng công ty B

Địa chỉ: số G L, phường P, quận H, TP .

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trương Toàn T2** – Phó Trưởng phòng Hỗ trợ phát triển kinh doanh, Công ty B1 (Có mặt)

Chị Nguyễn Thị Phương T3- Chuyên viên Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Minh D, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Tổng công ty B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Tạ Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty cổ phần DI trình bày: Anh Nguyễn Văn K và Tổng công ty B (gọi tắt là công ty B) có ký kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số TGI.D01.BAGĐV.18.HD250 ngày 10/10/2018, thời hạn bảo hiểm 18 năm, trong đó có quyền lợi bảo hiểm như sau: Bảo hiểm trường hợp tử vong hoặc thương tật thân thể do tai nạn: 50.000.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29/10/2022, anh K đã tử vong do tai nạn giao thông, thuộc phạm vi bảo hiểm nêu trên. Chị Tạ Thị T là người thụ hưởng bảo hiểm.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường là 14/11/2022 đến thời điểm xét xử với lãi suất 10%/năm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trương Toàn T2 trình bày:

Ngày 10/10/2018, anh Nguyễn Văn K và công ty B đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số TGI.D01.BAGĐV.18.HD250 với nội dung như sau: thời hạn bảo hiểm từ ngày 10/10/2018 đến ngày 09/10/2036; quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc B2 ban hành kèm theo quyết định số 3256/QĐ-BHBV ngày 02/10/2015 của Tổng giám đốc BHBV.

Theo Hợp đồng bảo hiểm TGI.D01.BAGĐV.18.HD250 ngày 10/10/2018, Bảo hiểm B không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm đối với trường hợp của anh Nguyễn Văn K do anh K đã vi phạm quy định tại Luật Giao thông đường bộ là tham gia giao thông trong tình trạng trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, thuộc trường hợp không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo khoản 2 Điều 7 Quy tắc BAGĐV.

Do đó, Công ty B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D trình bày: Ngày 29/10/2022, anh có điều khiển xe mô tô đi từ xã Q về xã B Nhứt thì gây tai nạn cho anh Nguyễn Văn K. Hậu quả làm anh K chết. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn theo kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C là do anh điều khiển xe mô tô đi sai làn đường, lấn sang làn đường ngược chiều gây tai nạn cho

anh K. Anh đồng ý với kết luận điều tra và không có ý kiến gì. Nay đối với tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa chị T với công ty B anh không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 139/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 12, Điều 16, Điều 21 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T. Buộc Tổng công ty B trả cho chị Tạ Thị T số tiền:

- Nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Tiền lãi chậm trả là 3.972.222 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023 bị đơn Tổng công ty B có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Nhận thấy hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K và Công ty B là đúng quy định của pháp luật và phát sinh hiệu lực. Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra các bên tranh chấp đã được Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho xét xử đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng bảo hiểm*” là có căn cứ, đúng pháp luật. sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D đã được Tòa án phúc thẩm tổng đạt giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa phúc thẩm thì nguyên đơn, bị đơn cùng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh D. Xét thấy, việc vắng mặt anh D cũng không ảnh hưởng gì đến việc xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 10/10/2018, anh Nguyễn Văn K và Công ty B đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số TGI.D01.BAGĐV.18.HD250 với nội dung như sau: Thời hạn bảo hiểm từ ngày 10/10/2018 đến ngày 09/10/2036; quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc B2 ban hành kèm theo quyết định số 3256/QĐ-BHBV ngày 02/10/2015 của Tổng giám đốc BHBV. Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29/10/2022, anh K đã tử vong do tai nạn giao thông, thuộc phạm vi bảo hiểm nêu trên. Chị Tạ Thị T (Vợ anh K) là người thụ hưởng bảo hiểm. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường là 14/11/2022 đến thời điểm xét xử với lãi suất 10%/năm. Công ty B từ chối chi trả bảo hiểm cho chị T và cho rằng anh K đã vi phạm quy định tại Luật Giao thông đường bộ là tham gia giao thông trong tình trạng trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, thuộc trường hợp không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo khoản 2 Điều 7 Quy tắc BAGĐV. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 10/10/2018, anh Nguyễn Văn K và Công ty B đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số TGI.D01.BAGĐV.18.HD250 với nội dung như sau: Số tiền bảo hiểm trong trường hợp tử vong là 50.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm 18 năm kể từ ngày 10/10/2018, chị Tạ Thị T là người thụ hưởng. Có cơ sở xác định giữa anh K và Công ty B đã giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 12 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Như vậy hợp đồng bảo hiểm đã thực tế phát sinh. Hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật và phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Công ty B.

- Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29/10/2022, anh K đã tử vong do tai nạn giao thông nên sự kiện bảo hiểm đã xảy ra.

- Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ tại kết luận giải quyết vụ việc ngày 18/11/2022 của Phó Thủ Trưởng cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã kết luận và trả lời như sau “... *Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lỗi của Võ Minh D điều khiển xe mô tô không đi bên phải theo chiều đi của mình đã vi phạm khoản 1 điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008 của cơ quan điều tra công an huyện C lập hồ sơ xử lý Võ Minh D theo đúng quy định pháp luật..*”

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo (đang có hiệu lực pháp luật) cũng đã xác định cái chết của anh Nguyễn Văn K là do Võ Minh D gây ra. Như vậy, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra (anh K chết) là do lỗi vi phạm của anh D. Do đó, tòa án sơ thẩm xét xử buộc Tổng công ty B trả cho chị Tạ Thị T số tiền: Nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); T4 lãi chậm trả là 3.972.222 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn , nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 12, Điều 16, Điều 21 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 139/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T. Buộc Tổng công ty B trả cho chị Tạ Thị T số tiền:

- Nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Tiền lãi chậm trả là 3.972.222 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

3. Về án phí:

- Tổng công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.698.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024380 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Mỹ Tho xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

- Chị Tạ Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0025830 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Tạ Thị T cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt